TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QO** **THÀNH PHỐ HN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 231/2020/QĐST-HNGĐ	*QO, ngày 19 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số: 225/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2020. Giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Kiều Văn Xô**, sinh năm 1988; HKTT và nơi ở: Đội 6, thôn Vĩnh Phúc, xã Liệp Tuyết, huyện QO, thành phố HN.

- Bị đơn: Chị **Dương Thị Kim T**, sinh năm 1993, Đội 6, thôn Vĩnh Phúc, xã Liệp Tuyết, huyện QO, thành phố HN.

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Vệc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không V phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về hôn nhân: Anh **Kiều Văn X**và chị **Dương Thị Kim T** thuận tình ly hôn;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Kiều Thị Hà V, sinh 15/12/2014; Kiều Hà L, sinh 06/4/2017. Ly hôn chị T và anh Xthoả thuận: Giao con chung Kiều Thị Hà V và Kiều Hà L cho anh X được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị T có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc và

giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2. Về góp phí tổn nuôi con: Tạm hoãn Vệc góp phí tổn nuôi con cho chị T cho đến khi anh Xcó yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, các khoản vay, cho vay tài sản của vợ chồng: Tự thoả thuận và không yêu cầu toà giải quyết.

3. Về án phí: Anh X tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011290 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện QO, thành phố HN. Trả lại anh X150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố HN;
- VKSND huyện QO;
- Chi cục THADS huyện QO;
- UBND xã Liệp Tuyết, H. QO;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Trí